|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/TT-BNNPTNT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp**

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được Quốc hội Khóa XIV thông qua ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của**[Luật Lâm nghiệp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-lam-nghiep-367277.aspx" \t "_blank);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục: Lâm nghiệp, Kiểm lâm và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư này quy định mức hao phí trực tiếp về vật tư, nhân công để làm căn cứ xác định chi phí thực hiện các biện pháp lâm sinh, điều tra rừng và bảo vệ rừng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư có các hoạt động liên quan đến thực hiện các biện pháp lâm sinh, điều tra rừng và bảo vệ rừng sử dụng ngân sách nhà nước; khuyến khích áp dụng đối với các hoạt động sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật các biện pháp lâm sinh là mức hao phí cần thiết về lao động, vật tư, máy móc thiết bị để hoàn thành một sản phẩm (công trình lâm sinh) trong một điều kiện cụ thể, đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật bảo vệ rừng là mức hao phí cần thiết về công lao động, vật tư để hoàn thành nhiệm vụ tuần tra bảo vệ rừng.

3. Các yếu tố hình thành định mức kinh tế - kỹ thuật các biện pháp lâm sinh, gồm: Biện pháp thi công theo hướng dẫn kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; lập địa nơi thực hiện các biện pháp lâm sinh (đất đai, độ dốc, độ cao, thực bì, rừng); điều kiện thời tiết, mùa vụ và cự ly đi làm.

4. Các yếu tố hình thành định mức kinh tế - kỹ thuật bảo vệ rừng, gồm: Vật tư, nhân công, khu vực tuần tra rừng ở các vùng có điều kiện bình thường và điều kiện hỗn hợp, khó khăn, diện tích tuần tra bảo vệ rừng.

5. Ô mức: là mức hao phí cần thiết về lao động, vật tư, máy móc thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc trong một điều kiện cụ thể đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

6. Hệ số điều chỉnh (K): là hệ số được sử dụng để tính toán, điều chỉnh mức hao phí lao động khi các yếu tố hình thành định mức thay đổi.

7. Điều kiện bình thường là điều kiện mà các yếu tố hình thành định mức được áp dụng chủ yếu ở các địa phương.

**Điều** **4. Nguyên tắc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật về các biện pháp lâm sinh và bảo vệ rừng quy định trong Thông tư này được xây dựng trên cơ sở các yếu tố hình thành định mức ở điều kiện bình thường, xuất hiện phổ biến ở nhiều địa phương, các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

2. Trường hợp các yếu tố hình thành định mức kinh tế - kỹ thuật về các biện pháp lâm sinh thay đổi, cơ quan chuyên môn sử dụng hệ số điều chỉnh theo bảng quy định hệ số k, mục A.I, phần II, phụ lục I và các ô mức theo mục B, phần II, phụ lục I kèm theo để xây dựng thiết kế, dự toán trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp các yếu tố hình thành định mức kinh tế - kỹ thuật tuần tra bảo vệ rừng thay đổi, các cơ quan chuyên môn sử dụng hệ số điều chỉnh theo điều kiện hỗn hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Thông tư này.

3. Trên cơ sở các điều kiện thực tế áp dụng các biện pháp lâm sinh ở địa phương, cơ quan chuyên môn sử dụng hệ số điều chỉnh và ô mức tại phần II, phụ lục I kèm theo trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền ban hành định mức để thực hiện.

4. Trường hợp thực hiện các biện pháp lâm sinh trong nghiên cứu khoa học, phát triển giống hoặc trong các điều kiện đặc biệt khó khăn không được quy định tại Thông tư này, cơ quan chuyên môn trình cấp có thẩm quyền ban hành định mức để thực hiện.

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng quy định mức hao phí cần thiết về lao động cho các bước công việc trong điều tra rừng, tuỳ thuộc nhiệm vụ, công trình hoặc dự án điều tra rừng để áp dụng một số hoặc nhiều bước công việc trong bộ định mức này đảm bảo phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm.

6. Các quy định về hệ số lương của từng vị trí các bước công việc điều tra rừng là hệ số lương bình quân, tuỳ thuộc vào tính chất của từng nhiệm vụ/dự án bố trí nhân lực đủ năng lực vào vị trí phù hợp để thực hiện các bước công việc và vẫn hưởng theo hệ số lương bình quân của các bước công việc đó.

**Chương II**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH**

**Điều 5. Quy định chung về các bước thực hiện biện pháp lâm sinh**

1. Trồng rừng

a) Phát dọn thực bì: Thực hiện phát toàn diện, theo băng hoặc theo đám.

b) Làm đất: Làm đất toàn diện bằng cơ giới hay thủ công; làm đất cục bộ theo băng hoặc theo đám; hạ băng; lên líp hoặc cải tạo thể nền.

c) Cuốc hố, lấp hố: Số lượng hố cuốc, kích thước hố theo loài cây, loại rừng và mức độ thâm canh.

d) Bón bón: Lượng phân bón, kỹ thuật bón phân theo hướng dẫn kỹ thuật của từng loài cây, điều kiện lập địa và mức độ thâm canh.

đ) Chăm sóc rừng: Số lần chăm sóc, biện pháp chăm sóc (phát, xới) theo loài cây, loại rừng và thảm thực bì.

e) Làm đường ranh cản lửa: Theo quy mô rừng trồng tập trung, thảm thực bì và loại thực bì.

2. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung

a) Phát toàn diện cây dây leo và chặt dọn cây sâu bệnh; tỉa chồi.

c) Đào hố, lấp hố, bón phân: Số lượng hố tùy theo mật độ cây tái sinh tự nhiên để xác định số lượng hố trồng cây bổ sung; kích thước hố và lượng phân bón theo điểm c, điểm d khoản 1 Điều này.

d) Chăm sóc không quá 06 năm. Trong 03 năm đầu sau khi trồng, mỗi năm chăm sóc ít nhất 02 lần, các năm sau chăm sóc mỗi năm ít nhất 01 lần tùy thuộc vào trạng thái thực bì.

3. Các bước kỹ thuật quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này thực hiện thi công bằng biện pháp thủ công hoặc cơ giới (Máy móc, thiết bị) khi điều kiện sản xuất phù hợp do cơ quan chuyên môn trình cấp có thẩm quyền quyết định.

**Điều 6. Định mức kinh tế - kỹ thuật trồng 01 ha rừng gỗ nhỏ nhóm loài cây mọc nhanh**

1. Điều kiện áp dụng: Mùa nắng nóng t0< 30oC, hệ số mùa vụ Kmv: 1,0; Đất nhóm 2, hệ số cấp đất Kc2:1,0; Thực bì phát vỡ nhóm 2, hệ số thực bì Kt2: 1,0; Cự ly đi làm 1-2 km, hệ số cự ly đi làm Kl2: 1,0; Hệ số kích thước hố Kh1: 1,0; Độ dốc 200-250, hệ số độ dốc Kd1: 1,0.

2. Các biện pháp kỹ thuật áp dụng: Phát dọn thực bì toàn diện; Mật độ trồng: 1.600 hố; Đào hố kích thước:40x40x40cm; Thuốc chống mối rải năm đầu 0,01 kg/cây; Chăm sóc 3 năm, mỗi năm 2 lần: phát chăm sóc và xới vun gốc đường kính xới ≤ 0,8 m; Bón phân 3 năm (bón lót cùng với lấp hố; bón thúc 2 năm sau cùng với xới vun gốc); Tỉa thân năm đầu với số lượng 30% số cây trồng.

3. Vật tư gồm: Cây giống 1.760 cây (trồng dặm năm đầu 10%); Phân bón NPK: 960 kg; Thuốc chống mối: 16 kg. Trong đó: Năm thứ nhất: Cây giống 1.760 cây, phân bón NPK: 320 kg, thuốc chống mối: 16 kg; Năm thứ hai: Phân bón NPK: 320 kg; Năm thứ ba: Phân bón NPK: 320 kg. Tiêu chuẩn cây con đem trồng: Theo TCVN hoặc tiêu chuẩn cơ sở về cây giống; Tiêu chuẩn phân bón và thuốc chống mối theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

4. Thiết bị, dụng cụ, trang thiết bị bảo hộ phụ trợ: 5% so với vật tư thiết yếu.

5. Tổng số công: 250,0 công. Trong đó: Năm thứ nhất: 140,0 công; Năm thứ 2: 55,0 công; Năm thứ ba: 55,0 công.

*(Định mức tại bảng 1 phần I, Phụ lục I)*

**Điều 7. Định mức kinh tế - kỹ thuật trồng 01 ha rừng gỗ lớn nhóm loài cây mọc nhanh**

1. Điều kiện áp dụng: Mùa nắng nóng t0< 30oC, hệ số mùa vụ Kmv: 1,0; Đất nhóm 2, hệ số cấp đất Kc2:1,0; Thực bì phát vỡ nhóm 2, hệ số thực bì Kt2: 1,0; Cự ly đi làm 1-2 km, hệ số cự ly đi làm Kl2: 1,0; Hệ số kích thước hố Kh1: 1,0; Độ dốc 200-250, hệ số độ dốc Kd1: 1,0.

2. Các biện pháp kỹ thuật áp dụng: Phát dọn thực bì toàn diện; Mật độ trồng: 1.330cây/ha; Đào hố kích thước:40x40x40cm; Bón phân 3 năm đầu: 0,2 kg/cây và sau tỉa thưa; Thuốc chống mối rải năm đầu 0,01 kg/cây; Chăm sóc 3 năm, mỗi năm 2 lần: phát chăm sóc, xới vun gốc đường kính xới ≤ 0,8 m; Tỉa thân năm đầu: 30% số cây trồng; Tỉa thưa 2 lần: Lần 1 khi rừng 4 tuổi, số cây tỉa: 330 cây, lần 2 khi rừng 7 tuổi, số cây tỉa: 300 cây.

3. Vật tư gồm: Cây giống 1.463 cây (trồng dặm năm đầu 10%); phân bón NPK: 798 kg, thuốc chống mối: 13,2 kg. Trong đó: Năm thứ nhất: Cây giống 1.1463 cây, phân bón NPK: 266 kg, thuốc chống mối: 16 kg; Năm thứ hai: Phân bón NPK: 266 kg; Năm thứ ba: Phân bón NPK: 266 kg. Tiêu chuẩn cây con đem trồng: Theo TCVN hoặc tiêu chuẩn cơ sở về cây giống; Tiêu chuẩn phân bón và thuốc chống mối theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

4. Thiết bị, dụng cụ, trang thiết bị bảo hộ phụ trợ: 5% so với vật tư thiết yếu.

5. Tổng nhân công: 280,0 công. Trong đó: Năm thứ nhất: 110,0 công; Năm thứ hai: 57,0 công; Năm thứ ba: 51,0 công; Năm thứ tư: 31,0 công; Năm thứ bẩy: 31,0 công.

*(Định mức tại bảng 2 phần I, Phụ lục I)*

**Điều 8. Định mức kinh tế - kỹ thuật trồng 01 ha rừng nhóm loài cây bản địa**

1. Điều kiện áp dụng: Mùa nắng nóng t0< 30oC, hệ số mùa vụ Kmv: 1,0; Đất nhóm 2, hệ số cấp đất Kc2:1,0; Thực bì phát vỡ nhóm 2, hệ số thực bì Kt2: 1,0; Cự ly đi làm 1-2 km, hệ số cự ly đi làm Kl2: 1,0; Hệ số kích thước hố Kh1: 1,0; Độ dốc 200-250, hệ số độ dốc Kd1: 1,0.

2. Các biện pháp kỹ thuật áp dụng: Phát dọn thực bì toàn diện; Mật độ trồng: 833cây/ha; Đào hố kích thước: 40x40x40cm; Bón phân 3 năm đầu: 0,3 kg/cây; Thuốc chống mối rải năm đầu 0,01 kg/cây; Chăm sóc 5 năm, mỗi năm 2 lần: phát chăm sóc, xới vun gốc đường kính xới 0,8-1,0 m.

3. Vật tư gồm: Cây giống 1.208 cây (trồng dặm 3 năm đầu mỗi năm 15%), phân bón NPK: 750 kg, thuốc chống mối: 8,3 kg. Trong đó: Năm thứ nhất: Cây giống 958 cây, phân bón NPK: 250 kg, thuốc chống mối: 8,3 kg; Năm thứ hai: Cây giống: 125 cây, phân bón NPK: 250 kg; Năm thứ ba: Cây giống: 125 cây, phân bón NPK: 250 kg. Tiêu chuẩn cây con đem trồng: Theo TCVN hoặc tiêu chuẩn cơ sở về cây giống; Tiêu chuẩn phân bón và thuốc chống mối theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

4. Thiết bị, dụng cụ, trang thiết bị bảo hộ phụ trợ: 5% so với vật tư thiết yếu.

5. Tổng nhân công: 298,0 công. Trong đó: Năm thứ nhất: 112,0 công; Năm thứ hai: 48,0 công; Năm thứ ba: 48,0 công; Năm thứ tư: 45,0 công; Năm thứ năm: 45,0 công.

*(Định mức tại bảng 3 phần I, Phụ lục I)*

**Điều 9. Định mức kinh tế - kỹ thuật trồng 01 ha rừng nhóm loài cây ngập mặn**

1. Điều kiện áp dụng: Mùa nắng nóng t0< 30oC, hệ số mùa vụ Kmv: 1,0; Đất nhóm 2, hệ số cấp đất Kc2:1,0; Cự ly đi làm 0,5-1,0 km, hệ số cự ly đi làm Kl2: 1,0; Hệ số kích thước hố Kh1: 1,0.

2. Các biện pháp kỹ thuật áp dụng: Mật độ trồng: 4.400 cây/ha; Đào hố kích thước: 40x40x40cm; Cắm cọc đỡ: 1 cọc/cây.Chăm sóc 5 năm: cắm lại cọc, vớt bèo rác đè lên cây, buộc giữ cây theo đúng thiết kế, thu dọn hiện trường.

3. Vật tư gồm: Cây giống 5.500 cây (trồng dặm năm thứ nhất 15%, năm thứ 2: 10%), cọc cắm đỡ cây: 4.400 cái. Trong đó: Năm thứ nhất: Cây giống 5.060 cây, cọc cắm đỡ cây: 4.400 cái; Năm thứ hai: Cây giống 440 cây. Tiêu chuẩn cây con đem trồng: Theo TCVN hoặc tiêu chuẩn cơ sở về cây giống; Tiêu chuẩn phân bón theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

4. Thiết bị, dụng cụ, trang thiết bị bảo hộ phụ trợ: 5% so với vật tư thiết yếu.

5. Tổng nhân công: 262,0 công. Trong đó: Năm thứ nhất: 161,0 công; Năm thứ hai: 45,0 công; Năm thứ ba: 24,0 công; Năm thứ tư: 16,0 công và Năm thứ bẩy: 16,0 công.

*(Định mức tại bảng 4 phần I, Phụ lục I)*

**Điều 10. Định mức kinh tế - kỹ thuật khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung 01 ha rừng**

1. Điều kiện áp dụng: Mùa nắng nóng t0< 30oC, hệ số mùa vụ Kmv: 1,0; Đất nhóm 2, hệ số cấp đất Kc2:1,0; Thực bì phát vỡ nhóm 2, hệ số thực bì Kt2: 1,0; Cự ly đi làm 1-2 km, hệ số cự ly đi làm Kl2: 1,0; Hệ số kích thước hố Kh1: 1,0; Độ dốc 200-250, hệ số độ dốc Kd1: 1,0.

2. Các biện pháp kỹ thuật áp dụng: Phát dọn thực bì theo băng 50% diện tích; Mật độ trồng bổ sung 400 cây/ha; Trồng dặm 3 năm, mỗi năm 15%; Đào hố kích thước: 40x40x40cm; Bón phân 3 năm, mỗi năm bón 0,2 kg/cây; Chăm sóc 6 năm: phát chăm sóc, xới vun gốc đường kính xới <0,8 m, tỉa chồi xấu(3 năm đầu 2 lần/năm; 3 năm sau 1 lần/năm).

3. Vật tư gồm: Cây giống 580 cây (cả trồng dặm 3 năm mỗi năm 15%), phân bón NPK: 240 kg. Trong đó: Năm thứ nhất: Cây giống 460 cây, phân bón NPK: 80 kg; Năm thứ hai: Cây giống 60 cây, phân bón NPK: 80 kg; Năm thứ ba: Cây giống 60 cây, phân bón NPK: 80 kg; Tiêu chuẩn cây con đem trồng: Theo TCVN hoặc tiêu chuẩn cơ sở về cây giống; Tiêu chuẩn phân bón theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

4. Thiết bị, dụng cụ, trang thiết bị bảo hộ phụ trợ: 5% so với vật tư thiết yếu.

5. Tổng nhân công: 186,0 công. Trong đó: Năm thứ nhất: 71,0 công; Năm thứ hai: 37,0 công; Năm thứ ba: 37,0 công; Năm thứ 4, thứ 5, thứ 6: 41,0 công.

*(Định mức tại bảng 5 phần I, Phụ lục I)*

**Chương III.**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT BẢO VỆ RỪNG VÀ ĐIỀU TRA RỪNG**

**Điều 11. Quy định chung về các bước thực hiện bảo vệ rừng và điều tra rừng**

1. Bảo vệ rừng

a) Thu thập thông tin: Thu thập các thông tin về phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm đất rừng, săn, bắt, bẫy động vật rừng, các nguy cơ tiềm ẩn tác động đến hệ sinh thái rừng.

b) Xác định tuyến, điểm tuần tra: Căn cứ thông tin thu thập, phân tích thông tin, xác định các tuyến, các điểm tuần tra tại các khu vực có nguy cơ bị phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm đất rừng, săn, bắt, bẫy động vật rừng.

c) Lập kế hoạch tuần tra: Căn cứ các tuyến, điểm tuần tra và căn cứ tình hình thực tế như: thời tiết, mùa, tình hình phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm đất rừng, săn, bắt, bẫy động vật rừng, lập kế hoạch tuần tra, xác định tần xuất tuần tra bảo vệ rừng.

d) Tổ chức tuần tra: Tổ chức tuần tra theo tuyến và điểm đã xác định theo kế hoạch; khi phát hiện vi phạm, xác định nguyên nhân, ghi chép đầy đủ cụ thể các thông tin phát hiện được, báo cáo người có thẩm quyền về việc phát hiện phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm rừng, săn, bắt, bẫy động vật rừng; phá dỡ các bẫy, bắt động vật rừng…

e) Báo cáo kết quả tuần tra: Tổng hợp kết quả tuần tra và viết báo cáo kết quả tuần tra.

2. Điều tra rừng

a) Công tác chuẩn bị, bao gồm: xây dựng đề cương và dự toán kinh phí; chuẩn bị vật liệu và trang thiết bị cần thiết; thu thập và xử lý ảnh, bản đồ, tài liệu liên quan; xác định dung lượng mẫu cần thiết theo nội dung điều tra; thiết kế hệ thống mẫu điều tra trên bản đồ;

b) Điều tra thực địa, bao gồm: thiết lập mẫu điều tra trên thực địa; thu thập số liệu, mẫu vật trên các mẫu điều tra; điều tra bổ sung các lô trạng thái rừng xây dựng bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ chuyên đề khác (nếu có); kiểm tra, giám sát và nghiệm thu chất lượng điều tra thực địa;

c) Xử lý, tính toán nội nghiệp, bao gồm: biên tập, hoàn thiện bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ chuyên đề (nếu có); lựa chọn phần mềm, phương pháp thống kê toán học và xử lý, tính toán diện tích rừng, các chỉ tiêu chất lượng rừng, lập địa, đa dạng sinh học; phân tích, tổng hợp, viết báo cáo kết quả điều tra rừng và các báo cáo chuyên đề; kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thành quả điều tra rừng theo chuyên đề.

d) Các hoạt động phụ trợ, gồm: Công tác phục vụ, công quản lý của đơn vị thực hiện và các chi phí các hạng mục chung (chi phí nhà tạm tại hiện trường).

**Điều 12. Định mức kinh tế - kỹ thuật bảo vệ 1 ha rừng**

1. Điều kiện áp dụng:

a) Điều kiện bình thường: Ở khu vực có hệ số khó khăn từ 0,1- 0,4, công lao động tính trung bình cho diện tích tuần tra bảo vệ rừng 1ha.

b) Điều kiện hỗn hợp: Định mức công lao động tính trung bình cho diện tích tuần tra bảo vệ 1 ha rừng được tính như sau:

Phụ cấp khu vực quy định theo Thông tư số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTB: Ở các khu vực có mức phụ cấp khu vực từ 0,1 đến 0,4, hệ số khó khăn Kkk = 1,0; ở các khu vực có mức phụ cấp khu vực từ 0,5 trở lên, hệ số khó khăn Kkk = 1,2.

Diện tích tuần tra rừng dưới 100 ha, hệ số diện tích Kdt = 1; diện tích tuần tra rừng từ 100 ha đến dưới 200 ha, hệ số diện tích Kdt = 0,8; diện tích tuần tra rừng từ 200 ha đến dưới 300 ha, hệ số diện tích Kdt = 0,5; diện tích tuần tra rừng từ 300 ha trở lên, hệ số diện tích Kdt = 0,2.

2. Biện pháp kỹ thuật: Thực hiện tuần tra bảo vệ rừng theo các bước công việc đã được quy định tại Điều 11 thông tư này.

3. Vật tư gồm: Bản đồ giấy hoặc bản đồ số khu vực tuần tra, giấy viết, bút viết, sổ ghi chép, dao phát, đèn pin, quần áo bảo hộ đi rừng, giày, tất, ủng, mũ, thuốc ngăn ngừa côn trùng cắn, thuốc y tế thông thường, võng, bạt, màn, dây thừng, ba lô, nhu yếu phẩm cần thiết.

4. Nhân công: 7,28 công/ha/năm trong điều kiện bình thường; trong điều kiện hỗn hợp áp dụng tính theo điểm b khoản 1 Điều này.

*(Chi tiết tại bảng 8 Phụ lục II)*

**Điều 13. Định mức kinh tế - kỹ thuật Điều tra rừng**

1. Nội dung điều tra rừng

a) Điều tra rừng theo chuyên đề

Điều tra diện tích rừng; điều tra trữ lượng rừng; điều tra cấu trúc rừng; điều tra tăng trưởng rừng; điều tra tái sinh rừng; điều tra lâm sản ngoài gỗ; điều tra lập địa; điều tra đa dạng hệ sinh thái rừng; điều tra hệ thực vật rừng; điều tra hệ động vật rừng có xương sống; điều tra côn trùng rừng và sâu, bệnh hại rừng; điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon rừng; điều tra rừng xây dựng các phương án, dự án, đề án, chương trình quản lý, bảo vệ, phục hồi, phòng cháy chữa cháy rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, xây dựng khung giá rừng; chi trả dịch vụ môi trường rừng.

b) Điều tra rừng theo chu kỳ

Điều tra, đánh giá và giám sát trữ lượng rừng; điều tra, đánh giá và giám sát sinh thái rừng; đánh giá giảm phát thải khí nhà kính từ rừng và đất lâm nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên rừng.

2. Định mức máy móc, thiết bị không quá 5% giá trị công lao động.

3. Định mức vật tư dụng cụ rẻ tiền, điện nước, thông tin liên lạc không quá 5% giá trị công lao động.

4. Chi tiết các bước công việc và định mức lao động theo quy định tại phụ lục III.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH**

**Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Cục Lâm nghiệpcó trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền, triển khai thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật về các biện pháp lâm sinh quy định tại Thông tư này.

2. Cục Kiểm lâm có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền, triển khai thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra rừng, bảo vệ rừng quy định tại Thông tư này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền, triển khai thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết.

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ….. tháng …. năm 2024.

2. Thay thế Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng ( không thay thế Định mức lao động cho các khâu công việc vườn ươm); Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về định mức lao động trong công tác điều tra quy hoạch rừng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các hoạt động có liên quan đến việc thực hiện các biện pháp lâm sinh; điều tra rừng, bảo vệ rừng được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định theo các căn cứ đã phê duyệt.

4. Các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Thông tư này, khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng, các PTT Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;  - Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;  - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ NN&PTNT;  - Lưu: VT, LN. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Nguyễn Quốc Trị** |